

Bản án số: 20/2024/DS-PT

Ngày 26 - 01 - 2024

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền
sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 271/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 723/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C1, Khánh Hòa, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Căn hộ B01.07 Chung cư B, Đường N, Phường V, Thành phố N1, Khánh Hòa, có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Long A, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C1, Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Hoàng Thị Ái V1 (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/01/2024).
Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C1, Khánh Hòa, có mặt.

+ Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 24 đường T, phường P1, Thành phố N1, Khánh Hòa. Địa chỉ liên lạc: 97B đường N2, phường P2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 2002, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tuyền: Bà Trần Thị Thanh T. Địa chỉ: Căn hộ B01.07 Chung cư B, Đường N, Phường V, Thành phố N1, Khánh Hòa, có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C1, Khánh Hòa

4. Chị Nguyễn Thị Ái H1, sinh năm 1991

5. Chị Nguyễn Thị Diệu Ph, sinh năm 1999

6. Chị Nguyễn Thị Kiều D1, sinh năm 1997

7. Chị Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 2004

8. Chị Nguyễn Hoàng Thị Ái V1, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố C1, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H1, chị Ph, chị D1, chị T4 ủy quyền cho chị Nguyễn Hoàng Thị Ái V1, có mặt.

9. Ủy ban nhân dân thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 15/3/2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/8/2022 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 396, tờ bản đồ 11 tại thôn H2, xã C, huyện C1 (nay là thành phố C1), tỉnh Khánh Hòa là của bà Trần Thị K1 đã cho ông Nguyễn Thành L2 và bà Hoàng Thị Long A năm 1992. Ngày 14/12/1996, ông Nguyễn Thành L2 và bà Hoàng Thị Long A đã được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ngày 01/02/1999, ông Nguyễn Thành L2 và bà Hoàng Thị Long A đã lập “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” cho ông Nguyễn Thành N một phần diện tích 255m² đất thuộc thửa 396, tờ bản đồ 11. Ngày 04/11/2005, ông L2, bà A thực hiện thủ tục tách thửa 396 thành 02 thửa là: 862 và 863. Đối với thửa 863 (nay là thửa 62) là phần đất ông L2 và bà A đã cho ông N nhưng vì để thuận tiện việc

làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận thì ông N để ông L2 và bà Long A làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/11/2005. Tuy nhiên, sau khi đứng tên giấy chứng nhận thì ông N yêu cầu sang tên giấy chứng nhận nêu trên thì ông L2 và bà Long A không đồng ý. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa công nhận Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/02/1999, trả lại thửa đất nêu trên và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00198 ngày 10/11/2005 được Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp cho ông L2 và bà A.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên vô hiệu đối với “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 01/02/1999 và buộc nguyên đơn phải trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa 863 theo giấy chứng nhận nêu trên nguyên đơn cho rằng không đúng nên không có cơ sở chấp nhận.

Theo Đơn phản tố của bị đơn ngày 12/9/2022 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 396, tờ bản đồ 11 tại thôn H2, xã C, huyện C1 (nay là thành phố C1), tỉnh Khánh Hòa là do bà Trần Thị K1 đã cho vợ chồng bị đơn. Năm 2005, vợ chồng bị đơn tách thành 02 thửa 862 và 863 tờ bản đồ 11 và đã được Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 355604, sổ vào sổ cấp GCN số H00198 ngày 10/11/2005 đối với thửa 863. Sau đó, vợ chồng ông có cho ông Nguyễn Thành N cất nhà tạm ở nhờ trên thửa 863, không phải tặng cho theo như nội dung “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 01/02/1999. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bị đơn năm 2005 là đúng quy định pháp luật. Việc nguyên đơn căn cứ vào hợp đồng tặng cho để đòi lại thửa đất 863 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng của thửa đất này là không có cơ sở nên bị đơn không chấp nhận. Đồng thời, bị đơn cho rằng “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 01/02/1999 là giả mạo nên yêu cầu phản tố tuyên vô hiệu Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất này và buộc ông N trả lại cho bà Long A thửa đất số 863 nêu trên.

Chị Nguyễn Thị Thanh T3 và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị Kim Th đều trình bày: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến gì khác.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ái H1, Nguyễn Thị Diệu Ph, Nguyễn Thị Kiều D1, Nguyễn Thị Thùy T4, Nguyễn Hoàng Thị Ái V1 trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu phản tố của bị đơn, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã C và Ủy ban nhân dân thành phố C1:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố C1 và người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã C vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Căn cứ Điều 117, Điều 123 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 73 và Điều 74 Luật đất đai năm 1993; Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai 2013;
- Căn cứ Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 32 Luật tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị Quyết 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N.

1.1. Công nhận hiệu lực “Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/02/1999” được Ủy ban nhân dân xã C xác nhận ngày 08/02/1999 giữa ông Nguyễn Thành L2, bà Hoàng Thị Long A với ông Nguyễn Thành N.

1. 2. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00198 ngày 10/11/2005 được Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp cho ông Nguyễn Thành L2 và bà Hoàng Thị Long A.

1.3. Giao cho ông Nguyễn Thành N thửa đất số 863, tờ bản đồ 11 (nay là thửa số 62, tờ bản đồ 51) tại Thôn H2, xã C, thành phố C1 và ông N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản theo quy định pháp luật. (Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hoàng Thị Long A về việc tuyên vô hiệu đối với đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và yêu cầu ông N trả lại thửa đất số 863, tờ bản đồ 11 (nay là thửa số 62, tờ bản đồ 51) tại Thôn H2, xã C, thành phố C1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00198 ngày 10/11/2005 được Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp cho ông Nguyễn Thành L2 và bà Hoàng Thị Long A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa

vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Hoàng Thị Long A, bị đơn, các bà Nguyễn Hoàng Thị Ái V1, Nguyễn Thị Ái H1, Nguyễn Thị Diệu Ph, Nguyễn Thị Kiều D1, Nguyễn Thị Thùy T4, là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm,

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bà Nguyễn Hoàng Thị Ái V1, Nguyễn Thị Ái H1, Nguyễn Thị Diệu Ph, Nguyễn Thị Kiều D1, Nguyễn Thị Thùy T4, xin rút lại đơn kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Long A là bà Nguyễn Hoàng Thị Ái V1 giữ nguyên kháng cáo, nội dung kháng cáo bà A cho rằng Bản án sơ thẩm xét xử không đúng pháp luật và có vi phạm tố tụng nên yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung kháng cáo của các bà Nguyễn Hoàng Thị Ái V1, Nguyễn Thị Ái H1, Nguyễn Thị Diệu Ph, Nguyễn Thị Kiều D1, Nguyễn Thị Thùy T4, xin rút lại đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Hoàng Thị Long A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của bà Hoàng Thị Long A Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 và khoản 11 Điều 26, Điều 34, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Các bà Nguyễn Hoàng Thị Ái V1, Nguyễn Thị Ái H1, Nguyễn Thị Diệu Ph, Nguyễn Thị Kiều D1, Nguyễn Thị Thùy T4, xin rút lại đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của những người nêu trên.

[1.3]. Việc vắng mặt của Ủy ban nhân dân thành phố C1 và Ủy ban nhân dân xã C, xét thấy không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án, do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Nguồn gốc thửa đất có tranh chấp: Nguồn gốc thửa đất số 396, tờ bản đồ 11 tại thôn H2, xã C, huyện C1 (*nay là thành phố C1*), tỉnh Khánh Hòa là của bà Trần Thị K1 tặng cho ông Nguyễn Thành L2 và bà Hoàng Thị Long A vào năm 1992. Ngày 14/12/1996, ông L2 và bà A đã được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 01/02/1999, ông L2 và bà A viết “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” cho ông Nguyễn Thành N một phần thửa đất, có diện tích 255m², thuộc thửa 396, tờ bản đồ 11. Ngày 04/11/2005, ông L2, bà A thực hiện thủ tục tách thửa 396 thành 02 thửa là: 862 và 863. Đối với thửa 863 (nay là thửa 62) là phần đất ông L2 và bà A đã cho ông N, nhưng khi làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thì ông N để ông L2 và bà A đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/11/2005. Sau đó, ông N yêu cầu sang tên giấy chứng nhận nêu trên thì ông L2 và bà A không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

[2.2]. Ông N khởi kiện yêu cầu Tòa công nhận Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/02/1999, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00198 ngày 10/11/2005 do Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp cho ông L2 và bà A.

[2.3]. Bà Hoàng Thị Long A phản tố cho rằng Nguồn gốc thửa đất số 396, tờ bản đồ 11 tại thôn H2, xã C, huyện C1 (nay là thành phố C1), tỉnh Khánh Hòa là do bà Trần Thị K1 đã cho vợ chồng bị đơn. Năm 2005, vợ chồng bị đơn tách thửa thành 02 thửa 862 và 863 tờ bản đồ 11 và đã được Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 355604, số vào sổ cấp GCN số H00198 ngày 10/11/2005 đối với thửa 863. Sau đó, vợ chồng ông có cho ông Nguyễn Thành N cất nhà tạm ở nhờ trên thửa 863, không phải tặng cho theo như nội dung “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 01/02/1999. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bị đơn năm 2005 là đúng quy định pháp luật. Việc nguyên đơn căn cứ vào hợp đồng tặng cho để đòi lại thửa đất 863 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng của thửa đất này là không có cơ sở nên bị đơn không chấp nhận. Đồng thời, bị đơn cho rằng “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 01/02/1999 là giả mạo nên đơn phản tố yêu cầu tuyên vô hiệu đối với “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” nói trên và buộc ông N trả lại cho bà Long A thửa đất số 863 nêu trên.

[3]. Xem xét “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 01/02/1999, Hội đồng xét xử, xét thấy: Đơn đã được Ủy ban nhân dân xã C ký xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng Hợp đồng nêu trên là giả mạo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, hơn nữa bị đơn cũng không yêu cầu giám định nên không có cơ sở để xác định “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 01/02/1999 là giả mạo. Mặc khác, sau

khi được tặng cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành N đã trực tiếp quản lý, sử dụng đối với thửa đất, được cấp Giấy phép xây dựng và đã xây dựng nhà cửa kiên cố trên thửa đất, trong quá trình sử dụng đã thực hiện đóng nộp nghĩa vụ thuế cho Nhà nước, Giấy CNQSDĐ cũng do nguyên đơn trực tiếp giữ từ lúc được cấp cho đến nay. Ngoài ra, thông qua Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 18/7/2016, chính bị đơn đã thuê của nguyên đơn diện tích 45m² đất trong phần diện tích đất tranh chấp, điều đó cho thấy quyền sử dụng đất thực tế là của nguyên đơn.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy tại Bản án sơ thẩm đã công nhận “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất*” ngày 01/02/1999 là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở.

[4]. Xem xét Giấy CNQSDĐ, số vào sổ cấp H00198 ngày 10/11/2005 được Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp cho ông L2 và bà A, xét thấy: Sau khi cấp Giấy chứng nhận, ông L2 và bà A không hề sử dụng thửa đất, thực tế thửa đất do ông N quản lý sử dụng, đã xây dựng nhà cửa, cho bị đơn thuê lại một phần diện tích, Giấy chứng nhận do ông N giữ, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thất lạc từ khi được cấp, đã được cấp lại nhưng không cung cấp được Giấy chứng nhận được cấp lại, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở, tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, hủy Giấy CNQSDĐ nói trên là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Long A là phù hợp, vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Long A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Về Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Bà Hoàng Thị Long A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Hoàng Thị Long A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng Điều 117, Điều 123 Bộ luật dân sự; Điều 73 và Điều 74 Luật đất đai năm 1993; Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị Quyết

02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N.

1.1. Công nhận hiệu lực “*Đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/02/1999*” được Ủy ban nhân dân xã C xác nhận ngày 08/02/1999 giữa ông Nguyễn Thành L2, bà Hoàng Thị Long A với ông Nguyễn Thành N.

1. 2. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00198 ngày 10/11/2005 được Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp cho ông Nguyễn Thành L2 và bà Hoàng Thị Long A.

1.3. Giao cho ông Nguyễn Thành N thửa đất số 863, tờ bản đồ 11 (nay là thửa số 62, tờ bản đồ 51) tại Thôn H2, xã C, thành phố C1 và ông N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản theo quy định pháp luật. (Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hoàng Thị Long A về việc tuyên vô hiệu đối với đơn xin chuyển, nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và yêu cầu ông N trả lại thửa đất số 863, tờ bản đồ 11 (nay là thửa số 62, tờ bản đồ 51) tại Thôn H2, xã C, thành phố C1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00198 ngày 10/11/2005 được Ủy ban nhân dân thị xã C1 cấp cho ông Nguyễn Thành L2 và bà Hoàng Thị Long A.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Hoàng Thị Long A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà A đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010286 ngày 06/9/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ 2;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi